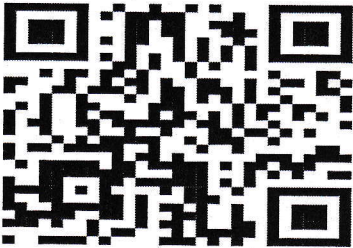
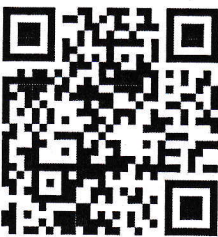
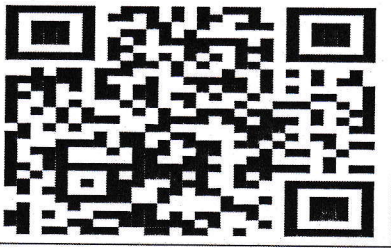
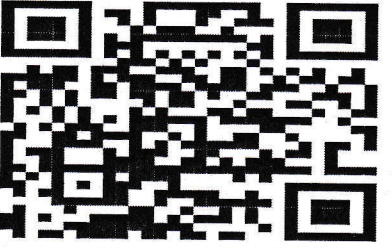
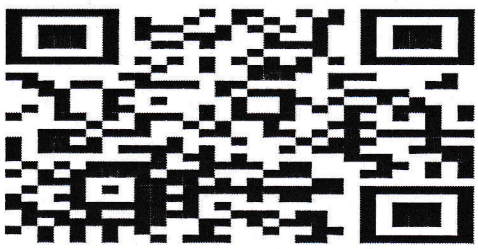


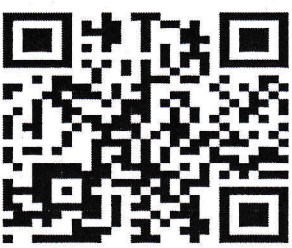
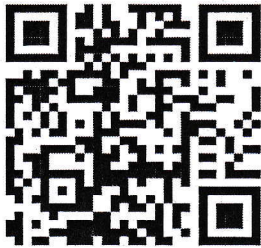
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THCS HẢI ĐƯỜNG NĂM HỌC 2024-2025

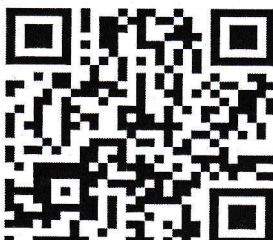
STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Hướng dẫn, ghi chú, minh chứng	Link minh chứng	Mã QR minh chứng	Điểm do NT tự đánh giá	Điểm do Đoàn KT đánh giá	Ghi chú (ghi các ND trừ điểm nếu có)	Ghi chú
1	Chuyển đổi số trong dạy, học	100		Mức chưa đáp ứng (Mức độ 1): Tổng điểm dưới 50 Mức đáp ứng cơ bản (Mức độ 2): Tổng điểm từ 50 đến 75 Mức đáp ứng tốt (Mức độ 3): Tổng điểm trên 75			90			
1.1	Ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp)		Điều kiện bắt buộc	- Các kế hoạch, quy chế được ban hành và công khai trên cổng thông tin điện tử (Ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm) và thông báo tới toàn bộ cán bộ, GV, NV của đơn vị từ đầu năm học. - Nếu thiếu 01 tiêu chí thì điểm mục 1 bằng 0.	http://hcsaidduongh.edu.vn/van-ban/ke-hoach-to-chuc-day-hoc-truc-tuyen-ket-hop-voi-day-hoc-truc-tiep-nam-hoc-2024-2025-423875					
1.2	Ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến		Điều kiện bắt buộc		http://hcsaidduongh.edu.vn/van-ban/quy-che-day-hoc-truc-tuyen-nam-hoc-2024-2025-423877					
1.3	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến:	30					23			

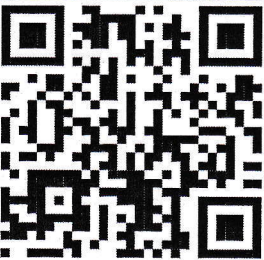
STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Hướng dẫn, ghi chú, minh chứng	Link minh chứng	Mã QR minh chứng	Điểm do NT tự đánh giá	Điểm do Đoàn KT đánh giá	Ghi chú (ghi các ND trừ điểm nếu có)	Ghi chú
1.3.1	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS))	6		- Có hướng dẫn sử dụng phần mềm phần mềm dạy học trực tuyến (tên phần mềm, đường liên kết, vai trò, nhiệm vụ của từng thành viên sử dụng) - Có hồ sơ về thiết kế và chức năng của hệ thống phần mềm được áp dụng; các loại hợp đồng kinh tế hoặc thỏa thuận hợp tác theo quy định của pháp luật. - Thông tin liên hệ của người được phân công quản trị hệ thống, mức thu phí (nếu có) trên công thông tin của đơn vị. - Bảo cáo kết quả thực hiện và nhật ký hệ thống với từng chức năng. - Đối với các chức năng triển khai thuộc mục 1.3 Sở GDDT sẽ đánh giá các phần mềm dựa trên chức năng của phần hệ có phù hợp với quy định, yêu cầu công việc (50% điểm) và đánh giá việc sử dụng thực tế của đơn vị	1- Triển khai phần mềm dạy học trực tiếp học trực tuyến trên OLM qua Zoom, Meet. Triển khai giao bài, kiểm tra định kỳ trên phần mềm OLM. https://docs.google.com/spreadsheets/d/1Lxs70HHbSDAMetQ_KVLOPDCwChwV/Aawa/edit?usp=sharing&oid=116918231362463184099&rtprof=true&sd=true		6			
1.3.2	(1) Có chức năng giáo viên giao bài cho học sinh tự học	6		- Thông tin liên hệ của người được phân công quản trị hệ thống, mức thu phí (nếu có) trên công thông tin của đơn vị. - Bảo cáo kết quả thực hiện và nhật ký hệ thống với từng chức năng. - Đối với các chức năng triển khai thuộc mục 1.3 Sở GDDT sẽ đánh giá các phần mềm dựa trên chức năng của phần hệ có phù hợp với quy định, yêu cầu công việc (50% điểm) và đánh giá việc sử dụng thực tế của đơn vị	https://docs.google.com/spreadsheets/d/1lvkvFWaZvELpOqHZFTiVeDBO-w60DNXO/edit?usp=sharing&oid=116918231362463184099&rtprof=true&sd=true		5			

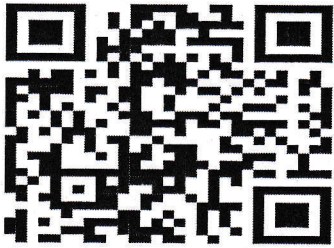
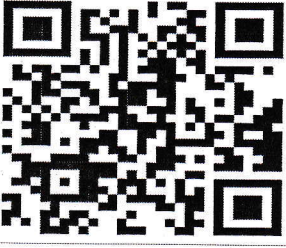
STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Hướng dẫn, ghi chú, minh chứng	Link minh chứng	Mã QR minh chứng	Điểm do NT tự đánh giá	Điểm do Đoàn KT đánh giá	Ghi chú (ghi các ND trừ điểm nếu có)	Ghi chú
1.3.3	(2) Có chức năng giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh	6		(30% điểm).	https://docs.google.com/spreadsheets/d/16lIRXINboUIWPvqrwHAiY5iGZkARE51/edit?usp=sharing&ouid=116918231362463184099&rtpof=true&sd=true		5			
1.3.4	(3) Có chức năng tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên	6					5			
1.3.5	(4) Có chức năng phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh	6			Qua Zalo		4			

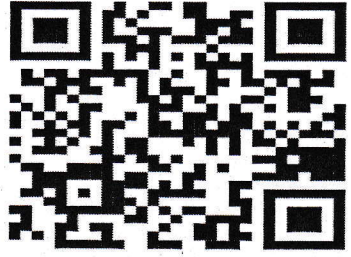
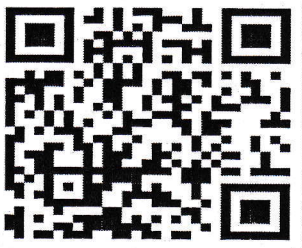
STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Hướng dẫn, ghi chú, minh chứng	Link minh chứng	Mã QR minh chứng	Điểm do NT tự đánh giá	Điểm do Đoàn KT đánh giá	Ghi chú (ghi các ND trừ điểm nếu có)	Ghi chú
1.4	Số hóa các học liệu	10	- Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm. - Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm. - Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm	- Số tương tự nếu được tìm ra số học liệu được cán bộ, giáo viên, nhân viên tạo mới trong năm học. - Học liệu số cần được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt. - Học liệu số được quản lý, lưu trữ bằng các phần mềm hoặc dự phòng trong thiết bị nhớ của đơn vị hoặc trên môi trường mạng. Thực hiện chia sẻ các học liệu phục vụ nội bộ nhà trường. - Tạo lập và thường xuyên cập nhật danh mục học liệu số kèm theo đường liên kết truy cập đến học liệu theo kế hoạch giáo dục của đơn vị. - Danh mục học liệu số đã tạo trong năm học có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị. Danh mục học liệu gồm: STT, Tên học liệu, Tên tác giả, Môn, Bài, Link liên kết, ghi chú...). Đường liên kết đến học liệu số phải đảm bảo tồn tại ít nhất đến thời điểm cơ quan quản lý giáo dục các cấp công bố kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị hàng năm	https://docs.google.com/spreadsheets/d/1aE0Q8a0h394InToywkpBzYUXS8AQaN5b/edit?usp=sharing&ouid=115372182464062636123&rtoref=true&d=true		9			
1.5	Triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	20					18			

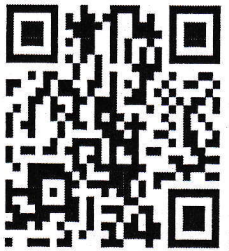
STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Hướng dẫn, ghi chú, minh chứng	Link minh chứng	Mã QR minh chứng	Điểm do NT tự đánh giá	Điểm do Đoàn KT đánh giá	Ghi chú (ghi các ND trừ điểm nếu có)	Ghi chú
1.5.1	Tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính	15	- Tổ chức đánh giá điểm thường xuyên: tối đa 12 điểm. - Tổ chức đánh giá điểm định kỳ: tối đa 15 điểm	Đơn vị xây dựng quy chế/kế hoạch/văn bản triển khai kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên máy tính. - Các văn bản thể hiện rõ tên giải pháp phần mềm, hình thức kiểm tra đánh giá. - Lưu các đề kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở thiết bị nhớ ngoài dự phòng của đơn vị. - Báo cáo, thống kê được số lượng các bài thi, kiểm tra, đánh giá tổ chức trên phòng máy; nhật ký sử dụng phòng máy tính.	- Xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá định kỳ môn Tin trên máy tính bằng phần mềm OLM. Tổ chức các cuộc thi như IOE, đầu trường Toán học.		13			
1.5.2	ý tính có kết nối, trao đổi kết quả vớ	5	- Xuất được danh sách dưới dạng file để trao đổi: tối đa 3 điểm - Tự động kết nối: Tối đa 5 điểm		https://docs.google.com/spreadsheets/d/1DPNP3w35G4SZUCSQ3KiVxr12G5CT3CH/edit?rtfpof=true&sd=true https://docs.google.com/spreadsheets/d/1Done3CUEwvCW76QrulzduTijjRQybza/edit?usp=sharing&ouid=116918231362463184099&rtfpof=true&sd=true		4			

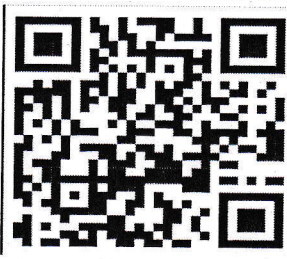
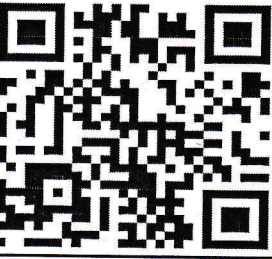
STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Hướng dẫn, ghi chú, minh chứng	Link minh chứng	Mã QR minh chứng	Điểm do NT tự đánh giá	Điểm do Đoàn KT đánh giá	Ghi chú (ghi các ND trừ điểm nếu có)	Ghi chú
1.6	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số	20		- Có kế hoạch triển khai tham gia các khóa bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn sử dụng hiệu quả ứng dụng CNTT. Nội dung bồi dưỡng gắn với nhu cầu thực tiễn của đơn vị. - Xây dựng các tiêu chí đánh giá việc ứng dụng CNTT đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên.			20			
1.6.1	Tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	7	<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm	- Có Kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, kết quả bồi dưỡng trên hệ thống. Danh sách giáo viên tham gia và có sản phẩm. - Tên hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến được sử dụng - Tên phần mềm và công cụ các giáo viên có thể sử dụng được - Danh sách bài giảng/học liệu số giáo viên đã xây dựng - Bảng thống kê được số lượng, chia ra tỷ lệ giáo viên đáp ứng được từng tiêu chí /tổng số giáo viên đơn vị - 100% cán bộ quản lý biết sử dụng,	- 100% giáo viên có tài khoản trên hệ thống quản lý thông tin: https://docs.google.com/document/d/13cbpl6XDJlk_ILOd99QXOs2OGXC27n07/edit?usp=sharing&ouid=116918231362463184099&trpf=true&sd=true		7			

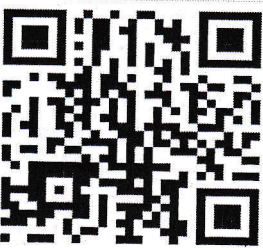
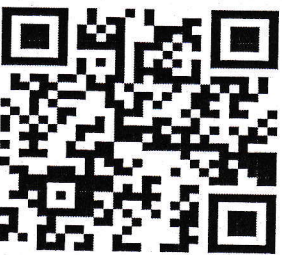
STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Hướng dẫn, ghi chú, minh chứng	Link minh chứng	Mã QR minh chứng	Điểm do NT đánh giá	Điểm do Đoàn KT đánh giá	Ghi chú (ghi các ND trừ điểm nếu có)	Ghi chú
1.6.2	Ti lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học	7	<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm	Khai thác và ứng dụng các phần mềm, hệ thống CNTT của đơn vị đang triển khai để phục vụ công tác quản lý, điều hành như: phần mềm quản lý nhà trường, CSDL ngành, quản lý văn bản điện tử, Cổng thông tin điện tử...	- 100% cán bộ quản lý biết sử dụng, khai thác dữ liệu từ các phần mềm, hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ công tác quản lý như phần mềm QL nhà trường, CSDL ngành, quản lý văn bản điện tử, Cổng thông tin điện tử...điện tử...					
				100% giáo viên có thể khai thác, sử dụng các phần mềm nhằm đổi mới phương pháp dạy học, có thể xây dựng được học liệu số.	https://docs.google.com/document/d/1sGXvuY-d-dOEBBOLY2m6PizCTe1J59/edit?usp=sharing&oid=116918231362463184099&rtipof=true&sd=true					

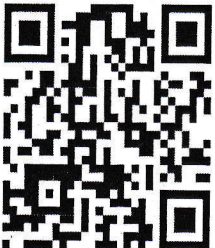
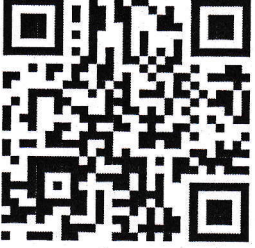
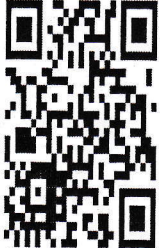
STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Hướng dẫn, ghi chú, minh chứng	Link minh chứng	Mã QR minh chứng	Điểm do NT tự đánh giá	Điểm do Đoàn KT đánh giá	Ghi chú (ghi các ND trừ điểm nếu có)	Ghi chú
1.6.3	Ti lệ giáo viên có thẻ xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử	6	<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 6 điểm		https://docs.google.com/document/d/1osXYvP-YiUKMkSFaTh6Wl9mnBwOeFadm/edit?usp=sharing&ouid=116918231362463184099&rtopf=true&sd=true		6			
1.7	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyên đổi số dạy, học	20		- Có kế hoạch kiểm tra, rà soát, đầu tư, duy trì, vận hành, quản lý hạ tầng CNTT cần bán sát nhu cầu sử dụng và đảm bảo hiệu quả. - Ban hành nội quy, phân công trách nhiệm quản lý, giám sát và vận hành;	- Có kế hoạch kiểm tra rà soát đầu tư, duy trì vận hành quản lý hạ tầng CNTT - Ban hành nội quy phân công nhiệm vụ quản lý, giám sát vận hành.		20			
1.7.1	Phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	8	Tỷ lệ phòng <20%: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5 điểm; >60%: tối đa 8 điểm	Lập Bảng danh mục trang thiết bị các phòng học (STT, Tên phòng (lớp), số máy tính, số máy chiếu, Số Tivi, kết nối internet, trang thiết bị khác). Thống kê, tổng hợp, tính tỷ lệ các phòng học đảm bảo theo yêu cầu.	- Bảng danh mục thiết bị các phòng học. Có 21/21 phòng học đều có máy chiếu, hoặc Tivi có kết nối Internet. https://docs.google.com/spreadsheets/d/1FD_CcGu3FPG5r-AyJOV34Qxf1VHALN/edit?usp=drive_link&ouid=116918231362463184099&rtopf=true&sd=true		8			

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Hướng dẫn, ghi chú, minh chứng	Link minh chứng	Mã QR minh chứng	Điểm do NT tự đánh giá	Điểm do Đoàn KT đánh giá	Ghi chú (ghi các ND trừ điểm nếu có)	Ghi chú
1.7.2	Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học	7	Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm	- Bảng tổng hợp, thống kê số lượng các phòng dạy môn tin học và trang thiết bị của phòng học của đơn vị: Có kết nối internet, mạng lan, số máy tính, trang thiết bị khác. - Phòng thực hành môn tin học đảm bảo trang thiết bị dạy học tối thiểu môn tin học theo quy định hiện hành - Mức 2: tiêu học 03 học sinh/01 máy tính; THCS 02 học sinh/01 máy tính; THPT 01 học sinh/01 máy tính). - Mức 3: Mỗi học sinh /01 máy tính	- Có 2 phòng Tin học: Khu A có 25 máy tính và khu B có 28 máy tính được kết nối Internet.		7			
1.7.3	Có phòng studio	5	Tối đa 5 điểm	Phòng Studio gồm máy tính, thiết bị phụ trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử - máy tính có cấu hình đủ mạnh để chạy các phần mềm biên tập phim, hình ảnh và âm thanh; -Thiết bị phụ trợ: trang bị thiết bị ghi hình, thu âm, loa, máy scan, máy in ... - Lập danh mục về cơ sở vật chất, thông số thiết bị	- Có 01 phòng nghe nhìn được trang bị máy tính, máy chiếu được kết nối Internet.		5			
	Cộng			Điểm tối đa 100đ			90	0		

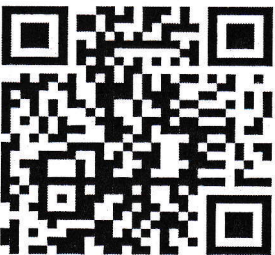
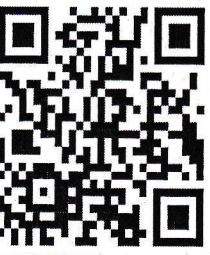
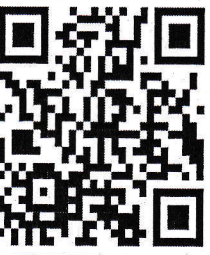
STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Hướng dẫn, ghi chú, minh chứng	Link minh chứng	Mã QR minh chứng	Điểm do NT tự đánh giá	Điểm do Đoàn KT đánh giá	Ghi chú (ghi các ND trừ điểm nếu có)	Ghi chú
2	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100		Mức chưa đáp ứng (Mức độ 1): Tổng điểm dưới 50 Mức đáp ứng cơ bản (Mức độ 2): Tổng điểm từ 50 đến 75 Mức đáp ứng tốt (Mức độ 3): Tổng điểm trên 75			90	0		
2.1	Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số		Điều kiện bắt buộc	Có quyết định của thủ trưởng đơn vị. Quyết định và danh sách thành viên các bộ phận, phân công nhiệm vụ các thành viên được ban hành từ đầu năm học và công bố trên cổng thông tin của đơn vị. Trong năm học nếu có thay đổi thành viên/phân công nhiệm vụ phải ban hành quyết định phân bổ/sung. Trong đó có phân công lãnh đạo cơ sở giáo dục phụ trách và viên chức CNTT làm đầu mối triển khai nhiệm vụ CNTT và công tác thống kê giáo dục.	- Ban chỉ đạo CNTT (Trưởng ban: đ.c Nguyễn Xuân Diễn - Hiệu trưởng; xuandienhaianh@gmail.com .ĐT: 0949716861). - Quyết định thành lập Ban quản trị Ứng dụng CNTT, chuyển đổi số năm học 2024-2025. http://thcsnhaiduongh.edu.vn/van-ban-ban/quyet-dinh-thanh-lap-ban-chi-dao-ung-dung-cntt-chuyen-doi-so-nam-hoc-2024-2025-423936					
				- Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số được xây dựng, công bố trên cổng thông tin điện tử của đơn vị từ đầu năm học (có thể lồng ghép với kế hoạch chung của nhà trường). Kế	- Kế hoạch về việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và CDS năm học 2024-2025.					

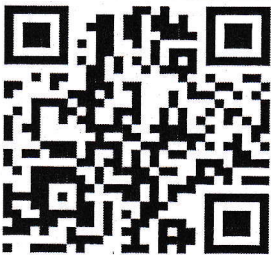
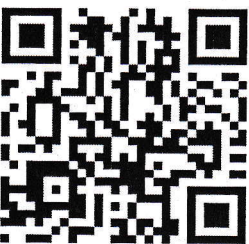
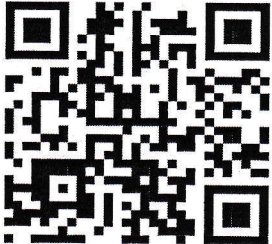
STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Hướng dẫn, ghi chú, minh chứng	Link minh chứng	Mã QR minh chứng	Điểm do NT tự đánh giá	Điểm do Đoàn KT đánh giá	Ghi chú (ghi các ND trừ điểm nếu có)	Ghi chú
2.2	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số		Điều kiện bắt buộc	hoạch cần thể hiện mục tiêu cải thiện các chỉ số trong Bộ chỉ số, phù hợp với quy định hiện hành, hướng dẫn của Sở GDĐT, của cơ quan quản lý trực tiếp, đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với nhu cầu và khả năng của đơn vị. - Tuyên truyền kế hoạch tới toàn thể đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của đơn vị	http://thcsaiduonghh.edu.vn/van-ban/ke-hoac-ung-dung-cong-nghe-thong-tin-chuyen-doi-so-nam-hoc-2024-2025-423934					
2.3	Triển khai phần mềm quản trị nhà trường	70		- Xây dựng và ban hành quy chế, quy định/ hướng dẫn sử dụng/phân công trách nhiệm về quản lý, khai thác đối với các hệ thống, phần mềm, trang thiết bị của đơn vị. - Triển khai tới các thành viên có liên quan của đơn vị	- Có phần mềm quản trị nhà trường: - Phần mềm: CCVC (Mua); Edu, CSDL, TEMIS, MISA (Mua). - Xây dựng và ban hành quy chế, quy định/ hướng dẫn sử dụng/phân công trách nhiệm về quản lý, khai thác đối với các hệ thống, phần mềm, trang thiết bị của đơn vị. - Triển khai tới các thành viên có liên quan của đơn vị		65			
2.3.1	Ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường	6			http://thcsaiduonghh.edu.vn/van-ban/quy-che-su-dung-he-thong-quan-tri-nha-truong-nam-hoc-2024-2025-423906		6			

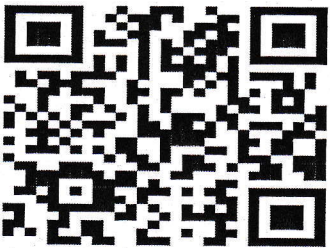
STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Hướng dẫn, ghi chú, minh chứng	Link minh chứng	Mã QR minh chứng	Điểm do NT tự đánh giá	Điểm do Đoàn KT đánh giá	Ghi chú (ghi các ND trừ điểm nếu có)	Ghi chú
2.3.2	Triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)	6		- Các hệ thống/phần mềm được triển khai được ghi trong Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (Tiêu chí 2.2). - Ưu tiên triển khai các ứng dụng, phần mềm, có khả năng kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành của Sở GDĐT của Bộ GDĐT đã triển khai và theo kế hoạch chuyển đổi số của ngành.	Phần mềm: https://truong.csd.moet.gov.vn/login.aspx?dv=C2		6			
2.3.3	Triển khai số điểm điện tử, học bạ điện tử	10	- File PDF: tối đa 3 điểm; - Áp dụng chứng thư số; + Chứng thư đối với Lãnh đạo, đầu đơn vị: tối đa 7 điểm + Chứng thư đối với Giáo viên: tối đa 10 điểm	- Có thể sử dụng giải pháp của các nhà cung cấp khác nhau cho các nội dung quản lý. - Có hồ sơ về thiết kế và chức năng của hệ thống phần mềm được áp dụng; các loại hợp đồng kinh tế hoặc thỏa thuận hợp tác theo quy định của pháp luật. - Các hệ thống được triển khai cần đảm bảo an toàn, an ninh về thông tin. - Đối với các phần hệ triển khai thuộc mục 2.3 Sở GDĐT sẽ đánh giá các phần mềm dựa trên chức năng của phần hệ có phù hợp với quy định, yêu cầu công việc (50% điểm) và đánh giá việc sử dụng thực tế của đơn vị (50% điểm).	- Triển khai chứng thư số đối với lãnh đạo nhà trường và 100% giáo viên sử dụng chữ ký số SmasCA; Phần mềm vn.edu.vn: https://cssvemvnzosgdnaminh.vn.edu.vn/v3/		10			

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Hướng dẫn, ghi chú, minh chứng	Link minh chứng	Mã QR minh chứng	Điểm do NT tự đánh giá	Điểm do Đoàn KT đánh giá	Ghi chú (ghi các ND trừ điểm nếu có)	Ghi chú
2.3.4	Triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV	6			- Phần mềm: CCVC (Mua); Edu; CSDL: https://cssvemvnzosgdna.mدينh.vn/v3/ https://ccvcnamدينh.vn/erp.vn/web/reset_password?token=ynXYgbMGUvzFZ5UQesgb&db=ccvcnamدينh&redirect=/web? https://truong.csdl.moet.gov.vn/Login.aspx?dv=C2	  	6			
					- Phần mềm:					

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Hướng dẫn, ghi chú, minh chứng
2.3.5	Triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất	6		
2.3.6	Triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh	5		
2.3.7	Triển khai phân hệ quản lý kế toán	6		
2.3.8	Triển khai phân hệ quản lý thư viện điện tử	5		

Link minh chứng	Mã QR minh chứng	Điểm do NT tự đánh giá	Điểm do Đoàn KT đánh giá	Ghi chú (ghi các ND trừ điểm nếu có)	Ghi chú
https://cssvemvnzsgdnaminh.vn/v3/		4			
https://truong.csdl.moet.gov.vn/Login.aspx?dv=C2		5			
Phần mềm MISA		6			
http://tvtheshaiduonghau.lcp.vn:82/lms/shared/loginform.php		4			

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Hướng dẫn, ghi chú, minh chứng	Link minh chứng	Mã QR minh chứng	Điểm do NT tự đánh giá	Điểm do Đoàn KT đánh giá	Ghi chú (ghi các ND trừ điểm nếu có)	Ghi chú
2.3.9	Triển khai phân hệ quản lý hồ sơ chuyên môn giáo viên	5			Phần mềm ký giáo án điện tử, hồ sơ chuyên môn của giáo viên https://olm.vn/dangnhap?redirect=https%3A%2F%2Folm.vn%2Folm-uri%3Fkey%3Dlesson-plan-all		4			
2.3.10	Triển khai các phần mềm phục vụ quản lý điều hành khác: Công thông tin điện tử, quản lý văn bản điện tử...	5			https://vpdntd.vnptioffice.vn/qlvbdh_ndh/main?lang=vi http://theshaiduongh.edu.vn/ Gmail: thes1lhaiduongb@gmail.com	 	4			

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Hướng dẫn, ghi chú, minh chứng	Link minh chứng	Mã QR minh chứng	Điểm do NT tự đánh giá	Điểm do Đoàn KT đánh giá	Ghi chú (ghi các ND trừ điểm nếu có)	Ghi chú
2.3.11	Triển khai các phần mềm quản trị nhà trường đảm bảo kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành của Sở GDĐT, của Bộ GDĐT	10		- Mỗi phần mềm/phần hệ không kết nối trao đổi được dữ liệu từ 02 điểm. -1 số phần mềm tại tiêu chí 2.3.10 như Công thông tin điện tử, quản lý văn bản điện tử không nhất thiết kết nối, trao đổi dữ liệu với CSDL ngành.	http://dongbo.vmpnaminh.vn/		10			
2.4	Triển khai dịch vụ trực tuyến	30		- Các dịch vụ triển khai cần được ghi trong Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (Tiêu chí 2.2). - Công khai các quy chế/hướng dẫn sử dụng/mức thu (nếu có) đối với các dịch vụ trực tuyến			25			
2.4.1	Triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường	12		Cung cấp tên phần mềm (App) liên lạc điện tử (qua OTT hoặc qua ứng dụng web), tên nhà cung cấp (hoặc đường link), các chức năng của ứng dụng Lưu ý: Không sử dụng liên lạc dưới dạng SMS	Nhà trường sử dụng Zalo và điện thoại		8			
2.4.2	Triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến	8		Cung cấp tên phần mềm, nhà cung cấp (hoặc đường link), các chức năng của ứng dụng	- Phần mềm olm.vn, nhà cung cấp: Công ty CP Khoa học và Công nghệ Giáo dục. https://olm.vn/tsdc/14031?level=thcs		8			
							9			

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Hướng dẫn, ghi chú, minh chứng	Link minh chứng	Mã QR minh chứng	Điểm do NT tự đánh giá	Điểm do Đoàn KT đánh giá	Ghi chú (ghi các ND trừ điểm nếu có)	Ghi chú
2.4.3	Triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt	10	- Sử dụng các ứng dụng để thu phí - Dịch vụ: Tối đa 7 điểm - Dịch vụ kết nối phần mềm quản lý kế toán, tài chính của cơ sở giáo dục: 10 điểm	- Cung cấp tên phần mềm, ứng dụng đơn vị đã triển khai, tên nhà cung cấp của dịch vụ - Thông kê, tổng hợp số tiền thu phí dịch vụ không dùng tiền mặt (tỷ lệ thu)	Nhà trường có triển khai dịch vụ thu chi các khoản đóng góp theo hình thức chuyển khoản MISA thu qua Agribank Hải Hậu					
Cộng				Điểm tối đa 100đ	Điểm tối đa 100đ	Điểm tối đa 100đ	90	0		

Tổng điểm 02 ND (tối đa 200đ)

Tổng điểm 02 ND (tối đa 200đ)

Tổng điểm 02 ND (tối đa 200đ)

180

0

HỌ VÀ TÊN, CHỮ KÝ
(NHŨNG) NGƯỜI KIỂM
TRA, ĐÁNH GIÁ

[Signature]

Nguyễn Thị Hồng

[Signature]

Nguyễn Thị Kiều

[Signature]
Đỗ Thị Hồng Lương

[Signature]

Hà Thị Nhân

Hải Đường, ngày...*28*... tháng 5 năm 2025

T.M.BAN GIÁM HIỆU



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
ĐẶNG VĂN KHÁNH